

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KV 11 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/DS-ST
Ngày: 29/01/2026
**V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và bà Nguyễn Thị Thu Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 –Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Thẩm Anh Trúc– Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 –Đắk Lắk, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2025/TLST- DS ngày 10/10/2025 về tranh chấp“Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2025/QĐXXST-DS ngày 25/12/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; Địa chỉ: thôn T, xã S, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. *Bị đơn:* Lê Quý Q, sinh năm 1973 và Phan Thị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: B T, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Ông Q vắng mặt, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ngày 18/7/2024 tôi có cho vợ chồng ông Q bà T mượn số tiền 200.000.000 đồng với mục đích để nuôi hải sản và hẹn 01 năm sau tức ngày 18/7/2025 sẽ trả nợ cho tôi theo giấy mượn tiền hai bên ký kết. Cùng ngày 18/7/2024 tôi đã chuyển khoản số tiền trên cho vợ chồng ông Q bà T. Sau đó 02 tháng vợ chồng bị đơn tiếp tục mượn tôi 25.000.000đ và hứa sẽ trả cùng khoản nợ 200.000.000đ. Đối với số tiền cho vay 225.000.000đ đã quá một năm nhưng ông Q bà T vẫn không trả tôi số tiền nợ mặc dù tôi đã đòi nhiều lần nên tôi yêu cầu Tòa buộc ông Q bà T phải trả cho tôi số tiền gốc 225.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/12/2025 bị đơn bà Phan Thị T trình bày được tóm tắt như sau: vợ chồng ông Lê Quý Q và bà Phan Thị T thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền 225.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng qui định. Nguyên đơn và bị đơn bà T chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Q không chấp hành đúng quyền và

nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, buộc bị đơn ông Q và bà T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 225.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả kể từ ngày tuyên án. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về khoản vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự. Bị đơn ông Lê Quý Q và bà Phan Thị T có hộ khẩu thường trú tại B T, phường T, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Quý Q vắng mặt lần thứ hai; bà Phan Thị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về nợ gốc: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Quý Q và bà Phan Thị T phải trả tổng cộng số tiền nợ gốc 225.000.000 đồng, kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp bản gốc giấy mượn tiền. Căn cứ vào giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp có thể hiện, ngày 18/7/2024 bà L cho vợ chồng ông Q bà T mượn số tiền 200.000.000 đồng và thời hạn thanh toán đúng ngày 18/7/2025 trả nợ trừ khi hai bên có sự thỏa thuận khác; Sau đó 02 tháng sau vợ chồng ông Q bà T tiếp tục mượn bà L 25.000.000 đồng (ngày 17/9/2024 bà L đã chuyển khoản 25.000.000 đồng cho bà T) và hứa sẽ trả cùng khoản nợ 200.000.000 đồng nói trên. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L và bị đơn bà T đều xác nhận, hiện vợ chồng ông Q bà T còn nợ bà L số tiền 225.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Q bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn bà L như đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn ông Q bà T phải trả cho nguyên đơn bà L tổng cộng số tiền 225.000.000 đồng về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Đương sự không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn phải chịu 11.250.000 đồng ($5\% \times 225.000.000$ đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc bị đơn ông Lê Quý Q và bà Phan Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L tổng cộng số tiền 225.000.000 đồng (*hai trăm hai mươi lăm triệu đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí : Bị đơn ông Lê Quý Q và bà Phan Thị T phải chịu 11.250.000 đồng (*mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí 5.625.000 đồng (*năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001866 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 11 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Hưng